

XÂY DỰNG KHUNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THẨM MỸ ĐÁP ỨNG NHU CẦU THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Đào Vân Thy

Ngành Công nghệ thẩm mỹ, Trường Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

Email: dv.thy@hutech.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh thị trường dịch vụ làm đẹp phát triển nhanh, đào tạo nguồn nhân lực ngành Công nghệ thẩm mỹ cần chuyển mạnh từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, gắn chuẩn đầu ra với yêu cầu việc làm thực tiễn. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu và tham khảo các nghiên cứu về khung năng lực trong giáo dục nghề nghiệp, đào tạo thẩm mỹ và chuẩn nghề nghiệp để đề xuất khung năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ. Kết quả nghiên cứu đề xuất khung năng lực gồm 7 nhóm: năng lực kiến thức nền tảng về thẩm mỹ và sức khỏe làn da; năng lực kỹ thuật chuyên môn; năng lực an toàn, vệ sinh và kiểm soát rủi ro; năng lực giao tiếp, tư vấn và chăm sóc khách hàng; năng lực ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong dịch vụ thẩm mỹ; năng lực đạo đức nghề nghiệp và phát triển bản thân; năng lực kinh doanh, thích ứng thị trường lao động và khởi nghiệp. Khung năng lực này có thể làm căn cứ để phát triển chương trình đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế công cụ đánh giá và tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp trong lĩnh vực thẩm mỹ.

Từ khóa: khung năng lực; năng lực nghề nghiệp; Công nghệ thẩm mỹ; chăm sóc sắc đẹp; thị trường lao động.

DEVELOPING A PROFESSIONAL COMPETENCY FRAMEWORK FOR STUDENTS MAJORING IN BEAUTY TECHNOLOGY TO MEET LABOR MARKET DEMANDS

Abstract: In the context of the rapid development of the beauty service market, cosmetology education needs to shift from a content-based approach to a competency-based approach, aligning learning outcomes with practical employment requirements. This paper employs document analysis and synthesis, drawing on studies on competency frameworks in vocational education, cosmetology training, and professional standards to propose a professional competency framework for students majoring in Cosmetology Technology. The proposed framework consists of seven competency domains: foundational knowledge of aesthetics and skin health; technical professional competence; safety, sanitation, and risk control competence; communication, consultation, and customer care competence; digital and technological application competence in beauty services; professional ethics and self-development competence; and business, labor market adaptability, and entrepreneurship competence. This framework may serve as a basis for curriculum development, learning outcome design, assessment tool construction, and the strengthening of partnerships between educational institutions and enterprises in the beauty industry.

Keywords: competency framework; professional competence; cosmetology technology; beauty care; labor market.

Nhận bài: 12/03/2026

Phản biện: 12/04/2026

Duyệt đăng: 17/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của ngành dịch vụ làm đẹp trong những năm gần đây đặt ra yêu cầu mới đối với công tác đào tạo nhân lực ngành Công nghệ thẩm mỹ. Người lao động trong lĩnh vực này không chỉ cần thành thạo các kỹ thuật chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm, massage hay vận hành thiết bị thẩm mỹ, mà còn phải có năng lực giao tiếp, tư vấn, chăm sóc khách hàng, quản lý dịch vụ, đảm bảo an toàn - vệ sinh, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và cập nhật xu hướng công nghệ. Chương trình đào tạo Chăm sóc sắc đẹp trình độ trung cấp của Trường Cao đẳng Thương mại xác định nghề này gắn với hoạt động tại spa, salon, cơ sở làm đẹp, chịu áp lực về thời gian phục vụ và yêu cầu bảo đảm sự hài lòng đa dạng của khách hàng; người học cần có kiến thức chuyên môn, kỹ năng

nghề, giao tiếp, ngoại ngữ, ý thức nghề và sự say mê nghề (Trường Cao đẳng Thương mại, 2025).

Trong giáo dục nghề nghiệp, đào tạo theo năng lực được xem là hướng tiếp cận phù hợp để thu hẹp khoảng cách giữa nhà trường và thị trường lao động. Năng lực nghề nghiệp không chỉ là sự tích lũy kiến thức mà còn là khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất cá nhân và động cơ nghề nghiệp vào thực hiện nhiệm vụ thực tiễn. Các nghiên cứu về xây dựng khung năng lực cho thấy năng lực thường được cụ thể hóa thành các tiêu chí, chỉ báo và biểu hiện hành vi có thể quan sát, đánh giá được; đây là cơ sở để phát triển chương trình đào tạo, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập (Huỳnh Lâm Anh Chương et al., 2023; Nguyễn Thị Hồng Thắm & Phạm Đình Bình, 2026).

Đối với lĩnh vực thẩm mỹ, yêu cầu thị trường lao động ngày càng vượt ra ngoài các kỹ thuật cơ bản. Chương trình khung ngành Cosmetology của Florida Department of Education (2025) nhấn mạnh đào tạo dựa trên năng lực ứng dụng, bao gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ làm việc, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm, an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng kinh doanh. Nghiên cứu của Camila et al. (2025) cũng chỉ ra khoảng cách giữa chương trình đào tạo nghề làm đẹp và yêu cầu của ngành công nghiệp thẩm mỹ, trong đó thị trường mong muốn người học sẵn sàng làm việc, giao tiếp tốt, có năng lực thích ứng, sử dụng truyền thông số và biết tự quảng bá dịch vụ.

Từ thực tiễn đó, việc xây dựng khung năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ là cần thiết. Khung năng lực giúp cơ sở đào tạo xác định rõ sinh viên cần đạt những gì sau quá trình học tập; giúp giảng viên thiết kế nội dung, phương pháp và công cụ đánh giá phù hợp; giúp doanh nghiệp nhận diện năng lực của người học khi tuyển dụng; đồng thời giúp sinh viên tự đánh giá và định hướng phát triển nghề nghiệp. Bài viết này tập trung đề xuất khung năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ bản

Năng lực được hiểu là khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và các thuộc tính cá nhân để thực hiện thành công một nhiệm vụ trong bối cảnh nhất định. Trong đào tạo nghề, năng lực không chỉ thể hiện ở việc “biết” mà còn ở việc “làm được”, “làm đúng”, “làm an toàn”, “làm hiệu quả” và “ứng xử phù hợp” trong môi trường nghề nghiệp. Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng đào tạo theo năng lực, trong đó kết quả đào tạo được đánh giá thông qua khả năng thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp của người học.

Năng lực nghề nghiệp là tổ hợp các thuộc tính cá nhân cho phép người lao động thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm. Đối với sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ, năng lực nghề nghiệp bao gồm năng lực chuyên môn kỹ thuật, năng lực đảm bảo an toàn, năng lực giao tiếp - tư vấn, năng lực đạo đức nghề, năng lực ứng dụng công nghệ, năng lực kinh doanh dịch vụ và năng lực học tập suốt đời.

Khung năng lực nghề nghiệp là hệ thống các nhóm năng lực, tiêu chí và biểu hiện hành vi mô

tả những yêu cầu cần đạt của người học hoặc người lao động trong một lĩnh vực nghề nghiệp. Các nghiên cứu về khung năng lực trong giáo dục cho thấy khung năng lực cần gắn với chuẩn đầu ra, yêu cầu vị trí việc làm và đặc điểm hoạt động nghề; đồng thời các tiêu chí phải đủ cụ thể để có thể quan sát, đánh giá và sử dụng trong thiết kế chương trình đào tạo (Nguyễn Thị Hồng Thắm & Phạm Đình Bình, 2026).

2.2. Cơ sở xây dựng khung năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ

Thứ nhất, khung năng lực cần xuất phát từ đặc điểm nghề nghiệp của ngành Công nghệ thẩm mỹ. Chương trình đào tạo Chăm sóc sắc đẹp trình độ trung cấp đã nêu các nhiệm vụ nghề nghiệp như chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm thẩm mỹ, massage bấm huyệt, tư vấn chăm sóc khách hàng, quản lý vận hành cơ sở làm đẹp và cập nhật công nghệ máy móc phù hợp với sự phát triển khoa học kỹ thuật (Trường Cao đẳng Thương mại, 2025). Điều này cho thấy nghề thẩm mỹ có tính thực hành cao, gắn với dịch vụ trực tiếp và chịu tác động mạnh của xu hướng thị trường.

Thứ hai, khung năng lực cần phản ánh yêu cầu của thị trường lao động. Trong ngành làm đẹp, khách hàng không chỉ đánh giá kỹ thuật mà còn đánh giá trải nghiệm dịch vụ, thái độ phục vụ, khả năng tư vấn và mức độ an toàn. Các tiêu chuẩn đào tạo cosmetology quốc tế thường chú trọng cân bằng lý thuyết - thực hành, chuẩn hóa đánh giá kỹ năng, thực hành trên mô hình hoặc khách hàng, kiểm soát nhiễm khuẩn, đạo đức nghề nghiệp, giao tiếp và quản lý khách hàng (Florida Department of Education, 2025; Solianik, 2025).

Thứ ba, khung năng lực cần phù hợp với bối cảnh chuyên đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0. Các nghiên cứu về giáo dục nghề nghiệp trong thời đại 4.0 cho thấy năng lực kỹ thuật cần được kết hợp với năng lực phi kỹ thuật như tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, đạo đức nghề nghiệp, học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp và thích ứng với công nghệ (Jafar et al., 2020). Với ngành Công nghệ thẩm mỹ, điều này thể hiện ở việc sinh viên cần biết sử dụng thiết bị thẩm mỹ, phần mềm quản lý cơ sở làm đẹp, nền tảng truyền thông số, hồ sơ khách hàng số và các phương tiện cập nhật xu hướng nghề nghiệp.

Thứ tư, khung năng lực cần có tính đo lường và khả thi. Các nghiên cứu sử dụng phương pháp Delphi trong xây dựng khung năng lực thường lựa chọn chuyên gia, xây dựng bảng hỏi, tham

vấn nhiều vòng, sử dụng thang đo Likert và xác định mức độ đồng thuận để hoàn thiện thành tố, tiêu chí và chỉ báo năng lực (Bùi Minh Đức et al., 2025). Với ngành Công nghệ thẩm mỹ, quy trình này có thể áp dụng để thẩm định khung năng lực thông qua ý kiến của giảng viên, nhà quản lý đào tạo, chủ spa, kỹ thuật viên, chuyên gia thẩm mỹ và cựu sinh viên đang làm nghề.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận, phân tích và tổng hợp tài liệu. Các tài liệu được phân tích bao gồm chương trình đào tạo Chăm sóc sắc đẹp; chương trình khung Cosmetology; các nghiên cứu về đào tạo nghề thẩm mỹ; các nghiên cứu về khung năng lực trong giáo dục; các nghiên cứu về năng lực nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số và thị trường lao động. Do chưa có dữ liệu khảo sát thực nghiệm riêng, bài viết được định hướng như một nghiên cứu đề xuất khung lý luận, có thể tiếp tục kiểm định bằng khảo sát chuyên gia và khảo sát doanh nghiệp trong các nghiên cứu tiếp theo.

Quy trình đề xuất khung năng lực được thực hiện qua bốn bước: (1) xác định cơ sở lý luận về năng lực, năng lực nghề nghiệp và khung năng lực; (2) phân tích nhiệm vụ nghề nghiệp, chuẩn đầu ra và yêu cầu thị trường lao động đối với sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ; (3) đề xuất các nhóm năng lực, tiêu chí và biểu hiện hành vi tương ứng; (4) đề xuất hướng thẩm định khung năng lực thông qua phương pháp chuyên gia hoặc phương pháp Delphi trong các nghiên cứu tiếp theo.

2.4. Đề xuất khung năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ

Trên cơ sở phân tích tài liệu và yêu cầu thực tiễn của ngành, bài viết đề xuất khung năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ gồm 7 nhóm năng lực và 21 tiêu chí cơ bản. Các nhóm năng lực này không tách rời nhau mà có quan hệ hỗ trợ, trong đó năng lực kỹ thuật chuyên môn là trung tâm, còn các năng lực an toàn, giao tiếp, công nghệ, đạo đức và kinh doanh tạo điều kiện để người học thực hiện nghề nghiệp một cách hiệu quả, bền vững.

Nhóm 1. Năng lực kiến thức nền tảng về thẩm mỹ và sức khỏe làn da

Nhóm năng lực này phản ánh khả năng hiểu biết cơ sở khoa học của hoạt động thẩm mỹ. Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về da, tóc, móng, cơ thể người, mỹ phẩm, vệ sinh, an toàn và nguyên lý tác động của các kỹ thuật thẩm mỹ. Các tiêu chí gồm: hiểu biết về cấu trúc, chức năng

và tình trạng da, tóc, móng; hiểu biết về mỹ phẩm và thiết bị thẩm mỹ; hiểu biết về các yếu tố tâm lý, thẩm mỹ và nhu cầu làm đẹp của khách hàng.

Nhóm 2. Năng lực kỹ thuật chuyên môn

Đây là nhóm năng lực cốt lõi của sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ. Sinh viên cần thực hiện được các quy trình kỹ thuật theo chuẩn, bảo đảm hiệu quả và an toàn. Các tiêu chí gồm: thực hiện quy trình chăm sóc da cơ bản và nâng cao; thực hiện kỹ thuật chăm sóc móng, trang điểm, massage hoặc các kỹ thuật chuyên ngành theo định hướng đào tạo; lựa chọn và sử dụng đúng dụng cụ, thiết bị, mỹ phẩm trong từng dịch vụ. Nội dung này phù hợp với chương trình đào tạo trong nước, trong đó các kỹ năng chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm, massage và thực tập nghề được xác định là những nội dung trọng tâm (Trường Cao đẳng Thương mại, 2025).

Nhóm 3. Năng lực an toàn, vệ sinh và kiểm soát rủi ro

Hoạt động thẩm mỹ tác động trực tiếp đến cơ thể, làn da, cảm xúc và sự an toàn của khách hàng. Vì vậy, sinh viên cần tuân thủ nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn, vệ sinh dụng cụ, an toàn thiết bị, an toàn hóa chất và nhận diện nguy cơ trong quá trình phục vụ. Các tiêu chí gồm: thực hiện đúng quy trình vệ sinh, khử khuẩn và bảo quản dụng cụ; nhận diện chống chỉ định, dấu hiệu bất thường và nguy cơ trong dịch vụ thẩm mỹ; xử lý tình huống phát sinh trên cơ sở an toàn, đạo đức và giới hạn nghề nghiệp. Chương trình Cosmetology của Florida Department of Education (2025) cũng nhấn mạnh thực hành vệ sinh, an toàn, kiểm soát nhiễm khuẩn và sử dụng hóa chất đúng quy trình trong các dịch vụ làm đẹp.

Nhóm 4. Năng lực giao tiếp, tư vấn và chăm sóc khách hàng

Ngành thẩm mỹ là ngành dịch vụ có mức độ tương tác cao. Năng lực nghề nghiệp của sinh viên không chỉ được đánh giá qua thao tác kỹ thuật mà còn qua cách lắng nghe, phân tích nhu cầu, tư vấn liệu trình, giải thích rủi ro, xử lý phản hồi và xây dựng mối quan hệ tin cậy với khách hàng. Các tiêu chí gồm: giao tiếp lịch sự, chuyên nghiệp và phù hợp với từng nhóm khách hàng; tư vấn dịch vụ trên cơ sở tình trạng thực tế và nhu cầu khách hàng; xử lý phản hồi, khiếu nại và tình huống dịch vụ một cách phù hợp. Nghiên cứu của Camila et al. (2025) cho thấy ngành công nghiệp thẩm mỹ mong muốn người học sẵn sàng làm việc, giao tiếp tốt và có khả năng quảng bá dịch vụ độc lập.

Nhóm 5. Năng lực ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong dịch vụ thẩm mỹ

Sự phát triển của công nghệ làm đẹp, truyền thông xã hội và phần mềm quản lý dịch vụ đặt ra yêu cầu mới đối với sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ. Các tiêu chí gồm: sử dụng thiết bị, máy móc thẩm mỹ đúng hướng dẫn kỹ thuật; ứng dụng phần mềm quản lý lịch hẹn, hồ sơ khách hàng, bán hàng hoặc chăm sóc khách hàng; sử dụng nền tảng số để cập nhật xu hướng nghề nghiệp, xây dựng hình ảnh cá nhân và truyền thông dịch vụ đúng chuẩn mực. Năng lực này kế thừa cách tiếp cận của các khung năng lực số hiện nay, trong đó nhấn mạnh xử lý thông tin, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo nội dung số, an toàn số và năng lực liên quan đến nghề nghiệp (An Biên Thùy et al., 2024).

Nhóm 6. Năng lực đạo đức nghề nghiệp và phát triển bản thân

Dịch vụ thẩm mỹ liên quan đến hình ảnh cơ thể, sự tự tin, tâm lý và quyền riêng tư của khách hàng. Vì vậy, sinh viên cần được hình thành đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội. Các tiêu chí gồm: tuân thủ quy định pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp và giới hạn chuyên môn; tôn trọng quyền riêng tư, bảo mật thông tin khách

hàng; có tinh thần học tập suốt đời, cập nhật kiến thức mới, tự đánh giá và phát triển năng lực nghề nghiệp. Trong các khung năng lực giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 4.0, năng lực phi kỹ thuật, phẩm chất cá nhân và động cơ phát triển nghề nghiệp được xem là những thành tố quan trọng bên cạnh năng lực kỹ thuật (Jafar et al., 2020).

Nhóm 7. Năng lực kinh doanh, thích ứng thị trường lao động và khởi nghiệp

Nhiều sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ sau tốt nghiệp có thể làm việc tại spa, salon, thẩm mỹ viện, cơ sở chăm sóc sắc đẹp hoặc tự tạo việc làm. Vì vậy, cần trang bị năng lực thích ứng với thị trường lao động và khởi nghiệp dịch vụ nhỏ. Các tiêu chí gồm: hiểu vị trí việc làm và yêu cầu tuyển dụng trong ngành thẩm mỹ; lập kế hoạch dịch vụ, tiếp thị, chăm sóc khách hàng và quản lý cơ bản cơ sở làm đẹp; thích ứng với xu hướng mới, phong cách làm việc chuyên nghiệp và áp lực dịch vụ. Chương trình Cosmetology quốc tế cũng xem kỹ năng việc làm, khởi nghiệp, quản lý tài chính cá nhân, làm việc nhóm, lãnh đạo và giao tiếp là những chuẩn đầu ra quan trọng của người học (Florida Department of Education, 2025).

Bảng 1. Khung năng lực nghề nghiệp đề xuất cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ

Nhóm năng lực	Tiêu chí cốt lõi	Biểu hiện chính
Kiến thức nền tảng	Da, tóc, móng; mỹ phẩm; tâm lý - thẩm mỹ khách hàng	Phân tích được tình trạng cơ bản; lựa chọn sản phẩm phù hợp; hiểu nhu cầu làm đẹp
Kỹ thuật chuyên môn	Chăm sóc da, móng, trang điểm, massage, thiết bị	Thực hiện đúng quy trình; thao tác chuẩn; bảo đảm kết quả dịch vụ
An toàn và kiểm soát rủi ro	Vệ sinh, khử khuẩn, an toàn thiết bị, xử lý tình huống	Tuân thủ quy trình; nhận diện nguy cơ; xử lý trong phạm vi nghề
Giao tiếp và chăm sóc khách hàng	Lắng nghe, tư vấn, xử lý phản hồi	Tư vấn phù hợp; giao tiếp chuyên nghiệp; tạo sự hài lòng
Công nghệ và chuyển đổi số	Thiết bị, phần mềm, truyền thông số	Sử dụng công nghệ nghề; quản lý dữ liệu; cập nhật xu hướng
Đạo đức và phát triển bản thân	Bảo mật, trách nhiệm, học tập suốt đời	Không tư vấn vượt phạm vi; tôn trọng khách hàng; tự học, nâng cao tay nghề
Kinh doanh và thích ứng thị trường	Việc làm, tiếp thị, khởi nghiệp	Hiểu nhu cầu doanh nghiệp; lập kế hoạch dịch vụ; thích ứng xu hướng nghề

Nguồn: Tác giả đề xuất trên cơ sở phân tích tài liệu.

2.5. Bàn luận về khả năng ứng dụng của khung năng lực

Khung năng lực đề xuất có thể được sử dụng ở nhiều cấp độ trong quá trình đào tạo. Ở cấp độ chương trình, khung năng lực giúp cơ sở đào tạo

rà soát chuẩn đầu ra, xác định sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, tăng cường các học phần liên quan đến giao tiếp khách hàng, an toàn nghề nghiệp, công nghệ số và khởi nghiệp dịch vụ. Ở cấp độ học phần, giảng viên có thể chuyển hóa

từng nhóm năng lực thành mục tiêu bài học, nhiệm vụ thực hành, tình huống mô phỏng và tiêu chí đánh giá. Ở cấp độ thực tập, khung năng lực giúp nhà trường và doanh nghiệp thống nhất yêu cầu đánh giá sinh viên trong môi trường làm việc thực tế.

Khung năng lực cũng có ý nghĩa đối với sinh viên. Thay vì chỉ chú ý đến kỹ thuật nghề, sinh viên có thể nhận diện rõ hơn các năng lực cần thiết để hành nghề bền vững, bao gồm giao tiếp, đạo đức, an toàn, công nghệ, kinh doanh và học tập suốt đời. Đây là những năng lực giúp sinh viên thích ứng với thị trường lao động biến động nhanh, đặc biệt trong bối cảnh khách hàng ngày càng quan tâm đến chất lượng trải nghiệm, tính cá nhân hóa của dịch vụ và sự an toàn trong quá trình làm đẹp.

Tuy nhiên, khung năng lực trong bài viết mới dừng ở mức đề xuất trên cơ sở phân tích tài liệu. Để nâng cao độ tin cậy và giá trị ứng dụng, cần tiếp tục thẩm định khung năng lực bằng khảo sát chuyên gia, giảng viên, doanh nghiệp và sinh viên. Có thể vận dụng phương pháp Delphi theo hai hoặc ba vòng để đánh giá mức độ cần thiết, phù hợp và khả thi của từng nhóm năng lực, tiêu chí và biểu hiện hành vi. Sau khi được thẩm định, khung năng lực có thể được sử dụng để xây dựng thang đo, rubrics đánh giá và công cụ tự đánh giá

năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ.

III. KẾT LUẬN

Xây dựng khung năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu thị trường lao động, chuyển đổi số và sự phát triển nhanh của ngành dịch vụ làm đẹp. Trên cơ sở phân tích các chương trình đào tạo, nghiên cứu về khung năng lực và yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực thẩm mỹ, bài viết đề xuất khung năng lực gồm 7 nhóm: kiến thức nền tảng; kỹ thuật chuyên môn; an toàn, vệ sinh và kiểm soát rủi ro; giao tiếp, tư vấn và chăm sóc khách hàng; ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số; đạo đức nghề nghiệp và phát triển bản thân; kinh doanh, thích ứng thị trường và khởi nghiệp.

Khung năng lực này góp phần định hướng phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực, chuẩn hóa đánh giá kết quả học tập và tăng cường kết nối giữa nhà trường với doanh nghiệp. Để nâng cao giá trị ứng dụng, khung năng lực cần tiếp tục được thẩm định bằng khảo sát chuyên gia và thực nghiệm trong các cơ sở đào tạo ngành Công nghệ thẩm mỹ. Đây cũng là hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm hoàn thiện hệ thống chuẩn đầu ra và công cụ đánh giá năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Công nghệ thẩm mỹ trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- An Biên Thùy, Nguyễn Thị Lan Ngọc, & Trịnh Thị Phương Thảo. (2024). Đề xuất khung năng lực số cho sinh viên sư phạm tại Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 24(22), 1-6.
- Bùi Minh Đức, Trần Thị Hạnh Phương, & Dương Thị Mỹ Hằng. (2025). Vận dụng phương pháp Delphi trong xây dựng khung năng lực viết văn bản nghị luận văn học cho học sinh giỏi Ngữ văn trung học phổ thông Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 25(18), 36-41.
- Camila, M. A., Nurjanah, N., & Nurhadi, D. (2025). The suitability of vocational high school beauty teachers' professional competencies with industry standards in Malang: A qualitative study. *Ideguru: Jurnal Karya Ilmiah Guru*, 10(3), 2381-2386. <https://doi.org/10.51169/ideguru.v10i3.2041>
- Florida Department of Education. (2025). Curriculum framework: Cosmetology 2025-2026. Florida Department of Education.
- Huỳnh Lâm Anh Chương, Nguyễn Hoàng Thiện, Đỗ Chiêu Hạnh, & Lê Ngọc Thạch. (2023). Xây dựng khung năng lực giáo dục STEAM cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non tiếp cận chuẩn nghề nghiệp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 20(5), 907-915. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.5.3822\(2023\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.5.3822(2023))
- Jafar, D. S. A., Saud, M. S., Hamid, M. Z. A., Suhairom, N., Hisham, M. H. M., & Zaid, Y. H. (2020). TVET teacher professional competency framework in Industry 4.0 era. *Universal Journal of Educational Research*, 8(5), 1969-1979. <https://doi.org/10.13189/ujer.2020.080534>
- Nguyễn Thị Hồng Thắm, & Phạm Đình Bình. (2026). Xây dựng khung năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Sư phạm Mĩ thuật ở các trường đại học. *HNUE Journal of Science: Educational Sciences*, 71(1), 118-127. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2026-0012>
- Solianik, M. (2025). Adaptation of international standards of education in the field of cosmetology to the national context of personnel training. *Pedagogical Academy: Scientific Notes*. <https://doi.org/10.5281/zenodo.17119692>
- Trường Cao đẳng Thương mại. (2025). Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành Chăm sóc sắc đẹp. Trường Cao đẳng Thương mại.